TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ TĨNH** **TỈNH HÀ TĨNH** Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST Ngày: 23-02-2022 *V/v: Ly hôn, tranh chấp con chung*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái

Ông Dương Cao Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Dương Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân Thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 129/2021/TLST-HNGĐ ngày 19/11/2021 về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/02/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1994

Nơi ĐKHKTT: Thôn S, xã N, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Chổ ở hiện nay: đường Trần Văn T1, xã T2, huyện T3, thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1993

Địa chỉ: Khối phố Đ, phường L, thành phố T, tỉnh Hà Tĩnh – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị M kết hôn vào ngày 26/01/2015, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND phường Thạch Linh, thành phố Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ, chồng về sống tại gia đình bố, mẹ chồng một thời gian ngắn rồi chuyển về ở tại nhà bố, mẹ vợ ở khối phố Đại Đồng, phường Thạch Linh, thành phố Hà Tĩnh. Hai vợ, chồng làm nghề tự do. Sau khi cưới được thời gian ngắn thì vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn,

tháng 11 năm 2016 anh T về nhà bố, mẹ sinh sống, còn chị M và con thì sống tại nhà bố, mẹ vợ cho đến nay. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ, chồng là do kinh tế khó khăn, nuôi con tốn kém nên vợ, chồng thường xuyên cãi cọ, xúc phạm nhau. Mặc dù, đã được gia đình hai bên khuyên giải nhiều lần song không có kết quả, vợ chồng không thể hòa hợp. Hiện tình cảm vợ, chồng không còn nên anh Trần Văn T xin được ly hôn với chị Nguyễn Thị M.

Về con chung: Vợ, chồng có một con chung tên là Trần Nguyễn X, sinh ngày 26/8/2015. Nếu được ly hôn thì giao con chung cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Anh Trần Văn T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai bị, quá trìnhgiải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Chị Nguyễn Thị M thừa nhận về thời gian, điều kiện kết hôn, thời gian vợ chồng sống ly thân và nguyên nhân mâu thuẫn như anh T trình bày là đúng. Vợ, chồng sống ly thân từ lâu, không còn quan tâm chăm sóc gì nhau. Hiện tình cảm vợ, chồng không còn, anh Trần Văn T làm đơn xin ly hôn thì chị M đồng ý.

Về con chung: Vợ, chồng có một con chung Trần Nguyễn X, sinh ngày 26/8/2015. Chị Nguyễn Thị M đồng ý được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung và mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có bản tự khai, có đơn xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung vụ án: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa thể hiện:

+Về hôn nhân: tình trạng hôn nhân giữa anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị M đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: cho anh Trần Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thị M; Về con: Giao con chung Trần Nguyễn X, sinh ngày 26/8/2015 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng

1.500.000 đồng; Về tài sản, nợ chung: anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị M không yêu cầu nên miễn xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Trần Văn T khởi kiện xin ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung với chị Nguyễn Thị M nên quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung". Chị Nguyễn Thị M hiện trú tại: Khối phố Đại Đồng, phường Thạch Linh, thành phố Hà Tĩnh. Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án anh Trần Văn T xin vắng mặt tại phiên hòa giải, đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án vắng mặt anh Trần Văn T là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Thạch Linh, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh Trần Văn T nhận thấy vợ, chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T xin được ly hôn. Chị Nguyễn Thị M thừa nhận quá trình chung sống vợ, chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Hiện vợ, chồng không còn tình cảm, anh T làm đơn xin ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Căn cứ vào lời khai của các bên đương sự, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ được thu thập hợp lệ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy: tình trạng hôn nhân giữa anh Trần Văn T, chị Nguyễn Thị M đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho anh Trần Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị M là có căn cứ, đúng pháp luật.

Về con chung: Anh Trần Văn T và chị Nguyễn Thị M đều thừa nhận vợ chồng có 1 con chung tên là Trần Nguyễn X, sinh ngày 26/8/2015. Chị Nguyễn Thị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy: chị M hiện có chỗ ở ổn định, con từ nhỏ chủ yếu sống với chị, được chăm sóc chu đáo và cho đi học. Bản thân anh Trần Văn T hiện đang phải đi làm ăn ở xa, anh cũng có nguyện vọng giao con cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, cần giao con chung cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Anh T xin đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng, chị M đồng ý. Hội đồng xét xử nhân thấy: thỏa thuận

về mức cấp dưỡng nuôi con của anh T, chị M là phù hợp quy định pháp luật nên cần được chấp nhận. Anh Trần Văn T có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Văn T, chị Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14: Nguyên đơn anh Trần Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí tiền cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, điểm 1.1 khoản 1 mục II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14; **xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Trần Văn T được ly hôn anh Nguyễn Thị M.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Nguyễn X, sinh ngày 26/8/2015 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn T phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu thi hành án về số tiền cấp dưỡng nuôi con chung nếu anh Trần Văn T không thi hành được thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 357 và khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Anh Trần Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Trần Văn T, chị Nguyễn Thị M không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Buộc anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001040 ngày 19 tháng 11

năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Anh T phải nộp tiếp số tiền 300.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Nguyên đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSNDTPHT;
- TAND Tỉnh HT;
- T.H.A.D.S TPHT;
- Các đương sự;
- UBND phường Thạch Linh, Thành phố Hà Tĩnh, Hà Tĩnh;
- Lưu: HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Quốc Dũng